

# CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI NGHỆ THUẬT PHÁT HIỆN VÀ GIẢI QUYẾT MÂU THUẬN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NGUYỄN HIỀN LƯƠNG\* - NGUYỄN THỊ NGỌC\*\*

*Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những bổ sung quan trọng vào quy luật mâu thuẫn, học thuyết về sự phát triển, phép biện chứng mác-xít, tạo ra cách nhìn mới, nhân sinh quan mới. Chính nhờ có cách giải quyết mâu thuẫn một cách sáng tạo, linh hoạt và tích cực, Người đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự thắng lợi và thành công của cách mạng Việt Nam.*

TRONG quan điểm của các nhà kinh điển mác-xít, quy luật mâu thuẫn là quy luật về nguồn gốc, động lực cơ bản, phổ biến của mọi quá trình vận động và phát triển. Về vấn đề này, C. Mác viết: “Cái cấu thành bản chất của sự vận động biện chứng, chính là sự cùng nhau tồn tại của hai mặt mâu thuẫn”<sup>(1)</sup>. Còn V.I. Lê-nin khẳng định: “Sự phát triển là một cuộc “đấu tranh” giữa các mặt đối lập”<sup>(2)</sup>. Qua thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần bổ sung và phát triển quy luật này bằng việc chỉ ra rằng: Mọi sự vật chỉ có thể phát triển, khi mâu thuẫn được giải quyết theo chiều hướng tích cực. Chính vì vậy, Người đặc biệt quan tâm đến vấn đề giải quyết mâu thuẫn.

Nêu như trong quan điểm về mâu thuẫn của chủ nghĩa Mác, mâu thuẫn được phân chia thành nhiều loại, trong đó có mâu thuẫn chủ yếu và mâu thuẫn thứ yếu..., thì ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, mâu thuẫn được chia thành mâu thuẫn chính và mâu thuẫn phụ. Người viết: “Khi việc gì có mâu thuẫn, khi phải tìm cách giải quyết, tức là có vấn đề. Khi đã có vấn đề, ta phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ”<sup>(3)</sup>.

Trong đó, mâu thuẫn chính bao gồm tất cả các mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn đối kháng..., còn mâu thuẫn phụ bao gồm tất cả các mâu thuẫn không đối kháng, mâu thuẫn không cơ bản, mâu thuẫn thứ yếu... Cách phân loại mâu thuẫn như vậy đã thể hiện sự hiểu biết rất sâu sắc của Người về mâu thuẫn. Chính nhờ có sự phân loại và nhận thức đúng đắn về mâu thuẫn mà trong mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn của cách mạng Việt Nam với những mâu thuẫn nảy sinh khác nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn có cách giải quyết mâu thuẫn hết sức đúng đắn và phù hợp.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, chủ nghĩa tư bản đã từ giai đoạn cạnh tranh tự do chuyển sang giai đoạn độc quyền và xác lập quyền thống trị của chúng trên phạm vi toàn thế giới bằng việc đi xâm lược các nước thuộc địa. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng viết: “chủ nghĩa

\* TS, Chủ nhiệm Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Y Hà Nội

\*\* ThS, Bộ môn Lý luận chính trị, Trường Đại học Y Hà Nội

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t. 4, tr. 191

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t. 29, tr. 379

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 5, tr. 342

tư bản phương Tây như con rắn nhiều đầu, thấy châu Âu là nơi quá chật hẹp để bóc lột và máu của vô sản châu Âu không đủ dồi dào để thỏa mãn thèm khát, nó bèn vươn những cái vòi khủng khiếp của nó tới khắp nơi của quả đất<sup>(4)</sup>. Chủ nghĩa đế quốc lúc này trở thành kẻ thù chung không chỉ của giai cấp vô sản châu Âu, mà còn của cả nhân dân các nước thuộc địa. Người cho rằng, trong giai đoạn này, mâu thuẫn cơ bản nhất ở các nước thuộc địa là mâu thuẫn giữa các dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Để giải quyết được mâu thuẫn đó, cần phải tiến hành một cuộc cách mạng, một cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc, thực dân, đem lại độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc. Bởi lẽ, độc lập dân tộc chính là nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa, là nội dung cơ bản để giải quyết mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Đứng trên cơ sở quyền con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát và nâng nó lên thành quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>(5)</sup>.

Mặc dù rất coi trọng vấn đề dân tộc, độc lập dân tộc, cho rằng việc giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”<sup>(6)</sup>. Như vậy, theo Người, để giải quyết mâu thuẫn cơ bản giữa các dân tộc bị áp bức và chủ nghĩa đế quốc, thực dân, con đường cơ bản nhất là phải kết hợp giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với việc xác định mâu thuẫn cơ bản nhất và cũng là mâu thuẫn chính như đã nêu trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: Ở mỗi thời kỳ lịch sử, mâu thuẫn cơ bản này lại được biểu hiện thành những mâu thuẫn chủ yếu khác nhau, bởi vậy, cần có cách giải quyết thích hợp.

Cách giải quyết mâu thuẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức linh hoạt, khéo léo. Đó là sự vận dụng những quan điểm về mâu thuẫn

trong phép biện chứng mác-xít nhưng có sáng tạo để phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chẳng hạn, trên cơ sở phân tích xã hội thuộc địa, nửa phong kiến ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát hiện ra hai mâu thuẫn cơ bản, nổi lên rất gay gắt trong xã hội lúc bấy giờ: mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ phong kiến - mâu thuẫn vốn có của xã hội phong kiến tiếp tục tồn tại trong xã hội thuộc địa; mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp xâm lược - mâu thuẫn mới phát sinh trong xã hội thuộc địa. Người cho rằng, mâu thuẫn chủ yếu nổi lên hàng đầu trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai. Chính sự bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp đối với nhân dân ta đã làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp xâm lược ngày càng trở nên gay gắt. Những tội ác của thực dân Pháp được thể hiện rất rõ trong các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nổi bật nhất là trong tác phẩm “*Bản án chế độ thực dân Pháp*”. Tác phẩm đã chỉ ra những tội ác khủng khiếp của chế độ thực dân đối với nhân dân thuộc địa, biểu hiện trên tất cả các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

Trên cơ sở xác định mâu thuẫn chủ yếu trong giai đoạn này của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Tuy nhân dân Việt Nam có hai kẻ thù chính là đế quốc và phong kiến tay sai, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam có hai nhiệm vụ cơ bản là chống đế quốc, giành lại độc lập cho dân tộc và chống phong kiến, đem lại ruộng đất cho dân cày, nhưng trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu. Người cho rằng, có giải quyết được vấn đề độc lập dân tộc mới giải quyết được vấn đề quyền lợi giai cấp. Vì vậy, trong “*Chính cương vắn tắt*” (năm 1930), Người khẳng định, vấn đề dân tộc là vấn đề cấp bách, cần

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 31

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 1

(6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 563

được giải quyết trước, còn vấn đề quyền lợi giai cấp, vấn đề ruộng đất được thực hiện từng bước, không làm tổn hại đến nhiệm vụ hàng đầu là giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, để có thể tiến hành được cuộc cách mạng nhằm đánh bại các thế lực đế quốc, thực dân, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, cần phải tập hợp được lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại đoàn kết là vấn đề sống còn, quyết định sự thành bại của cách mạng Việt Nam. Khái niệm đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất phong phú, bao gồm nhiều tầng nấc, nhiều cấp độ khác nhau. Người từng nói: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn đoàn kết lâu dài... Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”<sup>(7)</sup>.

Việc đưa ra phương pháp đoàn kết để giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ này cho thấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng một cách rất nhuần nhuyễn quan điểm về *sự chuyển hóa giữa hai mặt đối lập* trong phép biện chứng của chủ nghĩa Mác. Từ thực tiễn cách mạng, Người đã nhận thấy rằng, tương quan lực lượng về vật chất giữa ta và địch thì địch mạnh, ta yếu, bởi vậy, chỉ có đoàn kết toàn dân chúng ta mới phát huy được sức mạnh chính trị - tinh thần, khắc phục điểm yếu về sức mạnh vật chất, từng bước chuyển hóa thực lực làm thay đổi tình thế có lợi cho ta, từ đó tạo ra những chuyển biến mới trong cục diện cách mạng Việt Nam.

Quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng được chia làm nhiều thời kỳ, mỗi thời kỳ lại có những mâu thuẫn chủ yếu của nó. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc xác định đúng những mâu thuẫn này là cơ sở để xác định đúng phương thức, lực lượng giải quyết mâu thuẫn đó.

Tháng 9-1940, phát-xít Nhật xâm chiếm Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhanh chóng xác định mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này không chỉ là mâu

thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp, mà còn là mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với cả thực dân Pháp và phát-xít Nhật. Từ đó, Người xác định nhiệm vụ cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách đô hộ của Pháp - Nhật. Để giải quyết mâu thuẫn chủ yếu này, Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5-1941), dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã chủ trương tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, chỉ tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian, đề thêm khẩu hiệu “giảm tô, giảm tức”, chia lại ruộng công,...

Không chỉ nhìn thấy mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhận diện được cả mâu thuẫn trong hàng ngũ của kẻ thù. Đó là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc (thực dân Pháp) và chủ nghĩa đế quốc phát-xít (phát-xít Nhật); mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và một bộ phận thế lực địa chủ phong kiến; mâu thuẫn trong hàng ngũ ngụy quyền tay sai của Pháp và của Nhật. Từ đó, Người chủ trương tiến hành cô lập cao độ kẻ thù là đế quốc phát-xít và tay sai phản động, đồng thời tranh thủ hoặc trung lập những phân tử lưng chừng. Trên cơ sở nhận định được những mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng, tranh thủ những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân ta thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám năm 1945 một cách nhanh gọn và ít đổ máu. Thắng lợi đó là sự thể hiện phép biện chứng Hồ Chí Minh trong xử lý mối quan hệ giữa mâu thuẫn cơ bản và mâu thuẫn chủ yếu trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, các thế lực thù địch đế quốc, phản động tìm cách bao vây và chống phá quyết liệt nền độc lập của nhân dân ta. Theo quyết định của Đồng minh tại Hội nghị Pôt-xđam (tháng 7-1945), gần 20 vạn quân Tưởng đổ vào Bắc Đông Dương (từ vĩ tuyến 16 trở ra) và hàng vạn quân Anh - Ấn Độ đổ vào Nam Đông

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 9, tr. 244

Dương với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật. Núp bóng quân đội Anh, thực dân Pháp cũng đem quân trở lại nước ta. Nếu kể cả quân đội Nhật tuy đã đầu hàng nhưng chưa bị trước vũ khí, thì vào lúc đó, có gần nửa triệu quân nước ngoài đóng trên đất nước ta. Cùng một lúc, chúng ta phải đối phó với nhiều kẻ thù, tình thế cách mạng Việt Nam như “nghìn cân treo sợi tóc”. Để bảo vệ thành quả cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phải phân hóa kẻ thù, bằng cách khai thác mâu thuẫn trong hàng ngũ của chúng. Đó là cách giải quyết mâu thuẫn vô cùng khéo léo của Người.

Quân đội Tưởng vào miền Bắc có ba thế lực: cánh Lư Hán thuộc Đệ nhất chiến khu Vân Nam; cánh Tiêu Văn thuộc Đệ tứ chiến khu Quảng Tây; cánh Chu Phúc Thành thuộc quân khu Trung ương Trùng Khánh. Các thế lực này giống nhau về mục tiêu “diệt cộng, cầm Hồ” để dựng lên chính phủ tay sai, phục vụ cho mưu đồ lâu dài của họ, nhưng mâu thuẫn với nhau về lợi ích riêng. Biết Lư Hán vốn có tư thù sâu sắc với Tưởng Giới Thạch và cả với thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động tới thăm Lư Hán nhằm tranh thủ ông ta, đồng thời nhượng bộ cho vợ chồng Tiêu Văn một số đặc quyền kinh tế để cô lập cánh Chu Phúc Thành... Nhờ đó, chúng ta buộc họ phải thay đổi thái độ đối với Chính phủ Hồ Chí Minh, sử dụng được lực lượng quân đội Tưởng làm bình phong, ngăn chặn quân đội Pháp đang lấn le ra miền Bắc.

Trong hàng ngũ tướng lĩnh quân đội Pháp cũng chia thành hai phe: cánh điều hậu chủ chiến, đứng đầu là Cao ủy Đông Dương Đác-giăng-li-ơ (D'argenlieu); cánh tương đối hiểu biết, muốn hòa hoãn, tiêu biểu là Đại tướng Lóc-léc (Leclerc), Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư gửi Lóc-léc, trong đó có đoạn: “Ngài là một đại quân nhân và một nhà đại ái quốc. Ngài đã chiến thắng và chiến thắng anh dũng kẻ xâm lăng nước ngài... Lừng danh với những chiến công, ngài lại đi đánh một dân tộc chỉ muốn độc lập, thống nhất quốc gia, và một nước chỉ muốn hợp tác như anh em với nước ngài

sao?”<sup>(8)</sup>. Lòng tự trọng bị tổn thương, ít lâu sau Lóc-léc từ chức Tổng chỉ huy, xin chuyển về Pháp, mở đầu cho sự liên tục thay đổi Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lợi dụng triệt để mâu thuẫn trong hàng ngũ của kẻ thù, tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính, nguy hiểm nhất là thực dân Pháp. Người đã lợi dụng được mâu thuẫn giữa Anh và Pháp, giữa Mỹ và Tưởng, và mâu thuẫn giữa các nhóm trong quân đội Tưởng, mâu thuẫn trong nội bộ thực dân Pháp. Nhờ có cách giải quyết mâu thuẫn địch - ta một cách sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà đã phân hóa, làm suy yếu được hàng ngũ kẻ thù, có một thời gian hòa bình để từng bước xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng về mọi mặt, củng cố nền độc lập mới giành được.

Trong giai đoạn tiếp theo, mâu thuẫn chủ yếu nổi lên là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Đó chính là một loại mâu thuẫn địch - ta. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách giải quyết loại mâu thuẫn này chỉ có thể là “Hết còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta phải kiên quyết đánh đuổi nó đi”. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra “*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*”.

Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy được tương quan lực lượng về vật chất - kỹ thuật giữa ta và địch có sự chênh lệch rõ rệt - địch mạnh, ta yếu. Chính vì vậy, Người đưa ra phương châm chiến lược của cuộc kháng chiến là *đánh lâu dài, trường kỳ kháng chiến*. Đây là một quá trình mà quân ta vừa đánh, vừa xây dựng và phát triển lực lượng. Từ đó, từng bước làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, đưa cuộc kháng chiến tới thành công bằng chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đó chính là kết quả của sự vận dụng linh hoạt quan điểm

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 5

về sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các mặt đối lập của phép biện chứng duy vật.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy được mâu thuẫn chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Mỹ và tay sai của chúng ở miền Nam. Đế quốc chiếm miền Nam Việt Nam, đế quốc Mỹ đã dùng nhiều biện pháp gây kích động, chia rẽ dân chúng, chia rẽ giữa người theo tôn giáo và người không theo tôn giáo, giữa tôn giáo này và tôn giáo khác,... hòng gây ra những mâu thuẫn nhất định trong nội bộ nhân dân, dân tộc ta lúc bấy giờ. Để giải quyết mâu thuẫn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục đề cao và nhấn mạnh phương pháp đại đoàn kết toàn dân tộc. Người thường nhấn mạnh chữ “đồng” trong xây dựng lực lượng cách mạng, khai thác mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch. Chữ “đồng” trong tư tưởng Hồ Chí Minh bao hàm một nội dung rất phong phú, sinh động và biện chứng, đó là đồng tâm, đồng lòng, đồng mục tiêu, đồng lý tưởng, đồng lợi ích. Người đã lấy cái chung, cái tương đồng để khắc phục cái riêng, cái dị biệt; lấy nhân ái, khoan dung để cảm hóa; lấy nhân nhượng, thỏa hiệp lẫn nhau để giải quyết bất đồng.

Trong thời kỳ cách mạng này, để giải quyết mâu thuẫn đối kháng gay gắt giữa dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ xâm lược, Chủ tịch Hồ Chí Minh, *một mặt*, đề cao sự đoàn kết, thống nhất các lực lượng nhân dân trong nước; *mặt khác*, chủ trương đoàn kết, tranh thủ triệt để sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ và các nước trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, coi đó là sức mạnh quan trọng để giải phóng dân tộc. Theo Người, chúng ta phải phân biệt rõ kẻ thù xâm lược với nhân dân tiến bộ ở các nước đó. Ở đây, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất rõ ràng: đối với kẻ đi xâm lược thì chúng ta phải kiên quyết chống, nhưng đối với nhân dân tiến bộ nước đó thì phải đoàn kết. Với nguyên tắc dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết, Người chủ trương thực hiện đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ, lâu dài với tất cả những ai có

thể đoàn kết được vì mục tiêu chung. Nhờ vậy, Người đã quy tụ được toàn thể các lực lượng tiên bộ thuộc các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo... dưới ngọn cờ cách mạng, tạo thành khối đại đoàn kết toàn dân, có sức mạnh vô địch để thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Người nhấn mạnh: “*Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ*”<sup>(9)</sup>.

Thông qua việc phân tích quá trình phát hiện và giải quyết mâu thuẫn trong thực tiễn chỉ đạo cách mạng Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy được sự sáng tạo của Người cả trong *phát hiện* và *giải quyết* mâu thuẫn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần chứng minh rằng, mâu thuẫn chính là nguồn gốc của sự vận động và nó chỉ trở thành động lực của sự phát triển khi nó được giải quyết theo chiều hướng tích cực. Nghệ thuật giải quyết mâu thuẫn trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ được kế thừa trực tiếp từ phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kết hợp với phương pháp tư duy mềm dẻo, biện chứng truyền thống theo kiểu phương Đông, mà đó còn là sự tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Người. Chủ tịch Hồ Chí Minh thực sự là bậc thầy trong việc phát hiện và giải quyết mâu thuẫn, nâng lên tầm nghệ thuật trong hệ thống tư tưởng của Người. Đúng như một số nhà nghiên cứu đã nhận định: “*Nghệ thuật phân tích và giải quyết mâu thuẫn là nét nổi bật nhất trong tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh*”<sup>(10)</sup>. Từ góc độ này, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định rằng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà triết học có đóng góp quan trọng cho tri thức triết học của nhân loại thông qua chính phương pháp hoạt động thực tiễn và quá trình tổng kết hoạt động thực tiễn của Người. □

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. XVI

(10) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giới thiệu tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài khoa học 1989 - 1999*, tr. 50